

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS- PT

Ngày: 16/9/2021

V/v: *Kiểm đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Thực và ông Hoàng Hữu Tăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tiến Đạt - Thư ký TAND tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú
- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLPT - DS ngày 21/6/2021 về việc “*Kiểm đòi tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS - ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2021/QĐ-PT ngày 16/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Hải N, sinh năm 1976, vắng mặt.

Địa chỉ: H102, ngõ 76, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Hải N: ông Phạm Quang H1, sinh năm 1977, vắng mặt.

Địa chỉ: số 26, phường Y, quận L, thành phố Hà Nội.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Mạnh T1 - Văn phòng luật sư L, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Dương Hữu T, sinh năm 1972, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần taxi P - Người đại diện: Bà Nguyễn Thị D, Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 26, phường X, quận B, thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Dương Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Đinh Hải N trình bày: Do có mối quan hệ họ hàng thân thiết nên ông đã tạo điều kiện thuận lợi cho ông T từ Hưng Yên lên Hà Nội làm ăn và sinh sống. Đầu năm 2015, ông trao đổi với ông T với nội dung ông đầu tư số tiền là 495.000.000 đồng để mua 01 xe ô tô của công ty CP taxi P cho ông T lái xe và ăn chia theo thu nhập thực tế. Việc thỏa thuận chỉ bằng miệng, không lập thành văn bản. Đúng như thỏa thuận, ông đưa số tiền nêu trên cho ông T mua xe ô tô và để thuận lợi cho việc giao dịch của ông T nên ông đồng ý để ông T đứng tên trong hợp đồng mua 01 xe ô tô BKS 30A - 64671, là loại xe con 05 chỗ; nhãn hiệu Hyundai Grand I10, sản xuất năm 2015 tại Ấn Độ; màu xe bạc; số khung 229109; số máy 267159. Sau khi mua xe, ông T chạy xe taxi và hàng tháng trả tiền lợi nhuận cho ông sau khi trừ các chi phí với số tiền không cố định mà dao động từ khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/01 tháng, sau đó ít dần khoảng 5.000.000đ/1 tháng vì ông T đề nghị giảm tiền chia lợi nhuận với lý do việc chạy taxi kém hơn thời gian đầu. Tính từ thời điểm ông T chạy taxi đến nay, ông T đã chia cho ông tổng số tiền khoảng hơn 500.000.000 đồng lợi nhuận. Đến khoảng tháng 5/2019, ông T không chia tiền thu lợi từ việc chạy xe taxi cho ông. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho ông T, ông không yêu cầu ông T giao trả xe ô tô ngay mà đến tháng 7/2020 ông mới có yêu cầu. Ngày 26/7/2020, tại nhà ông, ông T đã viết 01 Giấy xác nhận có nội dung công nhận ông là người đầu tư và sở hữu xe ô tô BKS 30A - 64671, ông T chỉ là người được giao xe ô tô để kinh doanh, ông có toàn quyền sử dụng, định đoạt, ông T cam kết không có tranh chấp và khiếu kiện đối với chiếc xe ô tô nêu trên. Việc ông T viết giấy xác nhận là hoàn toàn tự nguyện, lúc đó chỉ có ông và ông T, không có người nào khác chứng kiến. Ông T giao cho ông toàn bộ các giấy tờ như CMND và giấy đăng ký xe ô tô...để làm các thủ tục sang tên. Tuy nhiên, ông T đã không thực hiện đúng cam kết giao trả xe ô tô và làm các thủ tục sang tên cho ông. Ngày 02/8/2020, ông đã có văn bản thông báo và đề nghị gửi ông T trả xe ô tô và công ty CP taxi P làm các thủ tục để sang tên cho ông trong thời hạn 7 ngày nhưng ông T không hợp tác, không trả lại xe. Công ty CP taxi P đã nhận đủ số tiền 495 triệu đồng bán xe khi ông T thay mặt cho ông đứng tên khi ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô. Công ty CP taxi P không còn liên quan đến chiếc xe mà chỉ chưa làm thủ tục sang tên cho chủ sở hữu hợp pháp. Do ông T không trả chiếc xe ô tô nêu trên, nên ông đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả lại chiếc xe ô tô BKS 30A - 64671 cho ông. Công ty CP taxi P làm các thủ tục sang tên cho ông theo đúng quy định.

Bị đơn ông Dương Hữu T trình bày: Khoảng tháng 5/2015, ông vay ông N số tiền 490.000.000 đồng, mục đích để mua xe ô tô chạy taxi và xây chuồng trại

lợn, gà chăn nuôi ở quê. Khi vay, hai bên chỉ trao đổi miệng, không lập thành văn bản, ông N cho vay không lấy lãi. Khi vay không có người chứng kiến, sự việc diễn ra tại nhà ông N. Hàng tháng, ông trả tiền cho ông N qua Ngân hàng ACB, chi nhánh C, Hà Nội với số tiền không cố định, dao động từ khoảng 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 5 năm 2018, ông đã trả hết ông N số tiền 490.000.000 đồng gốc và mặc dù không thỏa thuận về việc trả lãi nhưng ông vẫn trả thêm ông N số tiền 60.000.000 đồng, mỗi tháng gửi 5.000.000 đồng, số tiền này ông gửi trực tiếp ông N không thông qua Ngân hàng, không có giấy tờ, từ khoảng tháng 5/ 2018 đến tháng 5/2019. Ông xác định đó là việc vay nợ của ông N, không phải là việc ông N đầu tư mua xe để cho ông chạy taxi và mỗi tháng thỏa thuận ăn chia như ông N trình bày. Sau khi vay được tiền, ông đã ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần taxi P để mua xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, màu bạc, BKS 30 A - 64671, với số tiền là 495.000.000 đồng. Ông đã thanh toán toàn bộ số tiền mua xe cho Công ty CP taxi P nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu vẫn mang tên công ty Cổ phần taxi P. Tối ngày 26/7/2020, ông N hẹn ông đến nhà ông N, tại phường C, quận B, thành phố Hà Nội, ông N ép ông phải viết 01 giấy xác nhận với nội dung trao quyền sở hữu cho ông N chiếc xe ô tô nêu trên, sau đó thu giữ toàn bộ giấy tờ của gồm 01 đăng ký xe ô tô BKS 30A - 64671; 01 giấy phép lái xe và 01 giấy CMND mang tên ông. Vì ông N dùng lời nói đe dọa tính mạng, gia đình, vợ con nên ông buộc phải đưa giấy tờ. Toàn bộ sự việc xảy ra tại nhà ông N chỉ có ông N và ông, không ai biết, chứng kiến. Ngày 06/8/2020, ông làm đơn trình báo công an phường C về việc bị ông N đe dọa nhưng ông được cán bộ công an giải thích đó là sự việc dân sự nên không tiếp nhận đơn, không giải quyết. Hiện nay, ông đang quản lý và sử dụng 01 chiếc xe ô tô nêu trên và vẫn sử dụng để chạy taxi. Ông xác định có vay của ông N số tiền như đã trình bày ở trên nhưng đã thanh toán xong cho ông N, mặc dù không thỏa thuận trả lãi nhưng ông vẫn trả ông N thêm số tiền lãi là 60.000.000 đồng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N.

Đại diện của Công ty CP taxi P - bà Nguyễn Thị D trình bày: Ông Dương Hữu T là người trực tiếp ký Hợp đồng mua xe ô tô BKS 30A - 64671 với Công ty CP taxi P với số tiền 495.000.000 đồng, đã thanh toán xong tiền nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Công ty có quan điểm: đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, nếu xác định xe của ai thì công ty sẽ làm thủ tục sang tên cho người đó và người sở hữu xe phải chịu mọi chi phí sang tên.

Ngày 01/3/2021, ông N và ông T tự nguyện thỏa thuận với nhau về giá trị thực tế của chiếc xe ô tô BKS 30A - 64671, nhãn hiệu Hyundai, số loại Grand, sản xuất năm 2015 là 100.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DSST, ngày 28/4/2021 của TAND thành phố H, tỉnh Hưng Yên quyết định: Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS 2015. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Hải N về việc đòi lại tài sản. Buộc ông T phải giao trả cho ông N 01 xe ô tô BKS 30A - 64671; nhãn hiệu Hyundai, số loại: Grand; xe màu bạc; loại xe 5 chỗ ngồi; số khung 51AAFMM 229109; số máy G3LAFM 267159, đăng ký tên Công ty Cổ phần taxi P, theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 097902, do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 25/4/2015. Công ty CP taxi P và ông T có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục sang tên xác nhận quyền sở hữu cho ông N, mọi chi phí liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu do ông N chịu trách nhiệm chi trả.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị. Ngày 12/5/2021 ông Dương Hữu T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, bản án không đúng với tính chất vụ việc, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Đinh Hải N, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang H1; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn - Luật sư Nguyễn Mạnh T1 đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và gửi quan điểm, luận cứ bảo vệ đến tòa án giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2021/DSST, ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn ông Dương Hữu T giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Hữu T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 03/2021/DSST, ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Ông Dương Hữu T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của bị đơn, người kháng cáo; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của ông Dương Hữu T trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Dương Hữu T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông T khẳng định vay của ông N số tiền 490 triệu đồng nhưng không có căn cứ chứng minh. Ông N khẳng định không cho ông T vay tiền. Ông T xuất trình là Giấy nộp tiền vào tài khoản qua Ngân hàng Á Châu, phòng giao dịch C, thành phố Hà Nội và các chứng từ liên quan đến việc chuyển tiền cho ông N hàng tháng, chỉ thể hiện nội dung nộp tiền chuyển khoản, không thể hiện nội dung trả nợ. Ông N xác nhận không cho ông T vay tiền; xe ô tô là của ông. Ông T không xuất trình được tài liệu có nội dung vay nợ nên không có căn cứ để xác định đây là quan hệ vay mượn tiền giữa ông N và ông T. Mặc dù tại Hợp đồng mua bán ô tô số 213 - 2025/HĐMB, ngày 05/5/2015 (BL117 - 119) thể hiện bên mua xe ô tô BKS 30A - 64671, nhãn hiệu Hyundai, màu bạc, số khung 229109; số máy 267159 ghi tên của ông T nhưng ngày 26/7/2020 ông T thừa nhận chính ông là người viết giấy xác nhận xe taxi thuộc Công ty CP taxi P, biển số 30A - 64671 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 15/4/2015, loại xe Hyundai, số chỗ ngồi 05. Xe này do ông Đinh Hải N, CMND số 033076000090 cấp ngày 05/8/2014 là người đầu tư và sở hữu, ông chỉ là người được giao sử dụng kinh doanh, phù hợp với Kết luận Giám định số 23/PC09, ngày 31/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hưng Yên. Việc ông T trình bày bị ông N ép buộc phải viết giấy xác nhận nêu trên nhưng không có căn cứ chứng minh. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Hải N có căn cứ chấp nhận, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Dương Hữu T.

Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS - ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên có căn cứ pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Hữu T nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Hữu T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2021/DS - ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Hữu T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) ông T đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số AB/2015/0003971, ngày 29/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội. Ông Dương Hữu T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND thành phố H, Hưng Yên;
- Chi cục THADS quận B, Hà Nội;
- Chi cục THADS TP H, Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Nga